

Số: 1420/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1210/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải việc dân sự:

- Ông Phạm H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 60 đường số B Phường S, quận G, TPHCM.

và bà Đặng N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 60 đường số B, Phường S, quận G, TPHCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm H và bà Đặng N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 quyển số 02/2007 ngày 16/12/2009 tại UBND phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 09/9/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/11/2020, ông Phạm H và bà Đặng N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 trẻ tên Phạm A, sinh ngày 24/5/2011. Giao bà Đặng N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Phạm H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 11.500.000 đồng. Thi hành vào ngày 5 tây của mỗi tháng, lần lượt cho đến khi trẻ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông H, và bà N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Phạm H và bà Đặng N, thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 79/ quyền số 02/2007 ngày 16/12/2009 tại UBND phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao bà Đặng N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ tên Phạm A, sinh ngày 24/5/2011.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông Phạm H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 11.500.000 đồng. Thi hành vào ngày 05 tây của mỗi tháng, lần lượt cho đến khi trẻ 18 tuổi.

Bắt đầu thi hành vào ngày 05/12/2020, tại Chi cục th hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm H và bà Đặng N phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0026965 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Hoặc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.GV
- UBND P Lê Lợi,
H. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
- CCTHADS Q.GV;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thùy Trang

